BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2016/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2016*

THÔNG TƯ
Quy định quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Thực hiện Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

Thực hiện Quyết định số 1381/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc tổ chức quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển

doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm *(sau đây gọi tắt là Chương trình)* được phê duyệt tại Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1381/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, thực hiện và tham gia Chương trình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Ươm tạo công nghệ* là hoạt động nhằm tạo ra và hoàn thiện công nghệ có triển vọng ứng dụng thực tiễn và thương mại hóa từ ý tưởng công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. *Ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ* là hoạt động hỗ trợ tổ chức, cá nhân hoàn thiện công nghệ, huy động vốn đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh, tiếp thị, thực hiện thủ tục pháp lý và các dịch vụ cần thiết khác để thành lập doanh nghiệp sử dụng công nghệ mới được tạo ra.

3. *Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ* là nơi có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cung cấp dịch vụ, hỗ trợ cần thiết để ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. *Giải mã công nghệ* là quá trình nghiên cứu tìm ra công nghệ sản xuất một sản phẩm đã có và bảo đảm nguyên tắc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

5. *Sản phẩm có khả năng thương mại hóa* là sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng, chuyển giao mang lại nguồn thu.

6. *Đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình* (sau đây viết tắt là Đơn vị quản lý nhiệm vụ) là đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Chương trình, tổ chức triển khai Chương trình, nhiệm vụ của Chương trình theo đúng mục tiêu, nội dung và sản phẩm của Chương trình.

7. *Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình* (sau đây viết tắt là Đơn vị quản lý kinh phí) là đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 3. Nhiệm vụ của Chương trình

Nhiệm vụ của Chương trình bao gồm: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoạt động chung của Chương trình.

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Các dự án hỗ trợ cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Các dự án hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Các dự án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

d) Các dự án, đề tài hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

đ) Các dự án, đề án phục vụ công tác quản lý Chương trình.

2. Hoạt động chung của Chương trình

a) Tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết Chương trình; xây dựng các báo cáo tổng kết, đánh giá về Chương trình; hoạt động thông tin, tuyên truyền về Chương trình;

b) Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

c) Tổ chức các chương trình khảo sát thực tế, học tập kinh nghiệm từ các mô hình doanh nghiệp khoa học và công nghệ thành công, tiêu biểu ở trong nước và nước ngoài; mô hình tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện thành công cơ chế tự chủ;

d) Hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình;

đ) Các hoạt động khác phục vụ việc triển khai thực hiện Chương trình.

Điều 4. Nguyên tắc chung trong việc giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao phải thuộc các nhóm dự án, đề tài hoặc đề án quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phải có tính khả thi, mục tiêu rõ ràng và định lượng được hiệu quả tác động đến kinh tế - xã hội khi hoàn thành.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phải bảo đảm các điều kiện cần thiết về năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, tài chính theo quy định hiện hành để thực hiện nhiệm vụ.

4. Chương trình không hỗ trợ cho các nội dung của nhiệm vụ đã sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Công bố danh mục, đăng ký, lưu giữ và thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt để đưa ra tuyển chọn, giao trực tiếp; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ (www.most.gov.vn) hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định hiện hành về đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Việc công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 6. Ký hiệu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

Ký hiệu của dự án, đề tài hoặc đề án thuộc Chương trình được ghi như sau: DA.CT-592.X.Y; ĐT.CT-592.X.Y hoặc ĐA.CT-592.X.Y.

1. DA là dự án; ĐT là đề tài; ĐA là đề án.

2. CT-592: là ký hiệu chung cho Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

3. X: Là ký hiệu số thứ tự của dự án/đề tài/đề án.

4. Y: Là ký hiệu năm bắt đầu thực hiện dự án/đề tài/đề án.

(Ví dụ: DA.CT-592.01.2016: Dự án Hỗ trợ số 01 năm 2016 thuộc Chương trình 592).

Điều 7. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kinh phí thực hiện hoạt động chung của Chương trình.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình phải được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và tuân thủ các quy định về quản lý tài chính hiện hành.

Điều 8. Cơ quan quản lý Chương trình

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì, thống nhất quản lý Chương trình, tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Chương trình.

2. Chương trình có Ban Chủ nhiệm Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập và quy định tổ chức, hoạt động.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao đơn vị chức năng thuộc Bộ làm đơn vị quản lý nhiệm vụ và đơn vị quản lý kinh phí để tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình. Nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị tham gia quản lý Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Chương II
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 9. Dự án hỗ trợ cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Đối tượng tham gia

Các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Điều 10 Thông tư số 16/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn và phù hợp với lĩnh vực công nghệ ươm tạo, có phương án tổ chức

ươm tạo và kinh doanh, có đội ngũ chuyên gia tư vấn trong các lĩnh vực: công nghệ, pháp luật, tài chính, thị trường, quản trị doanh nghiệp phù hợp với lĩnh vực công nghệ mà cơ sở ươm tạo thực hiện.

Ưu tiên các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập tại các viện nghiên cứu, trường đại học, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí mua, thuê trang thiết bị dùng chung cho cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ để phục vụ trực tiếp hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động tư vấn về việc ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho người làm việc tại cơ sở ươm tạo và tổ chức, cá nhân tham gia ươm tạo tại cơ sở ươm tạo;

d) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo phục vụ hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ của cơ sở ươm tạo;

đ) Hỗ trợ kinh phí xây dựng trang thông tin điện tử của cơ sở ươm tạo và các hoạt động quảng bá về cơ sở ươm tạo.

Điều 10. Dự án hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Đối tượng tham gia

Tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ có khả năng ứng dụng vào sản xuất kinh doanh, tạo ra sản phẩm mới có khả năng thương mại hóa, có sức cạnh tranh trên thị trường để làm cơ sở thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ đó cho tổ chức, cá nhân khác để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đáp ứng các yêu cầu chuyên môn của dự án như sau:

a) Có phương án thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong đó trình bày rõ về cơ cấu tổ chức, tài chính, nhân lực, phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khoa học và công nghệ sẽ được thành lập;

b) Có nguồn lực tài chính (đối ứng) và năng lực tổ chức thực hiện dự án;

c) Ưu tiên các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ ưu tiên, công nghệ cao được ưu tiên phát triển theo quy định hiện hành.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh trên thị trường theo một trong các trường hợp sau:

- Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới trên cơ sở các sáng chế, giải pháp hữu ích, giải pháp kỹ thuật, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoặc hoạt động nghiên cứu giải mã công nghệ để tạo ra sản phẩm mới có khả năng thương mại hóa;

- Ứng dụng và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp vào sản xuất, kinh doanh.

b) Hỗ trợ sử dụng trang thiết bị, dịch vụ tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để được công nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 11. Dự án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Đối tượng tham gia

Doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, có phương án tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ để đa dạng hóa sản phẩm hoặc đổi mới, phát triển công nghệ trên cơ sở công nghệ do doanh nghiệp sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ có nhu cầu và đủ điều kiện ứng dụng vào sản xuất kinh doanh;

b) Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu hoàn thiện công nghệ để đa dạng hóa sản phẩm hoặc đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ mới để tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh trên thị trường;

c) Hỗ trợ hoạt động điều tra, khảo sát, tìm kiếm thông tin về công nghệ ở trong nước và nước ngoài;

d) Hỗ trợ hoạt động tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp khoa học và công nghệ hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định.

Điều 12. Dự án, đề tài hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1.Đối tượng tham gia

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đã có phương án tự chủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới có khả năng ứng dụng thực tiễn và thương mại hóa để tăng nguồn thu, nâng cao năng lực tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, phát triển ý tưởng sáng tạo để khởi nghiệp doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc có kết quả công bố trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Danh mục tạp chí khoa học uy tín được xác định theo Quyết định phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hàng năm.

c) Hỗ trợ kinh phí mua, thuê máy móc, thiết bị thí nghiệm, thử nghiệm trực tiếp phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

d) Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm của dự án, đề tài;

đ) Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học liên quan đến nội dung của dự án, đề tài;

e) Hỗ trợ hoạt động tư vấn, hướng dẫn xây dựng kế hoạch thương mại hóa sản phẩm hình thành từ kết quả của dự án.

Điều 13. Các dự án, đề án phục vụ công tác quản lý Chương trình

1. Đối tượng tham gia

Các tổ chức có đủ nguồn lực để triển khai công tác thông tin, tuyên truyền; điều tra, khảo sát, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu; có kinh nghiệm nghiên cứu, xây dựng chính sách về quản lý khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Thông tin, tuyên truyền về Chương trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình;

b) Điều tra, khảo sát, thống kê, đánh giá, phân loại các tổ chức có tiềm lực hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ; điều tra, thống kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ;

c) Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về hình thành và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; về cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Chương III
TỔ CHỨC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 14. Thông báo và đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham gia Chương trình

1. Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo về việc đề xuất nhiệm vụ khoa học và

công nghệ tham gia Chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (www.most.gov.vn).

2. Trên cơ sở thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành và địa phương căn cứ vào mục tiêu, nội dung của Chương trình và điều kiện, nhu cầu thực tế của bộ ngành, địa phương hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham gia Chương trình; tổng hợp đề xuất nhiệm vụ tham gia Chương trình hoặc tự đề xuất nhiệm vụ tham gia Chương trình; xây dựng đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ tham gia Chương trình gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Căn cứ mục tiêu, nội dung của Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, chủ động xây dựng đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ tham gia Chương trình theo quy định hiện hành.

Điều 15. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Căn cứ mục tiêu, nội dung của Chương trình, quy định về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình và trên cơ sở đề xuất đặt hàng của Bộ, ngành, địa phương và Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định, phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình.

2. Trình tự, thủ tục xác định, phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 16. Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Trên cơ sở danh mục nhiệm vụ đã được phê duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình.

2. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN.

3. Căn cứ kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp và năng lực, điều kiện của tổ chức đề xuất chủ trì, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt tổ chức chủ trì, nội dung, kinh phí, thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình.

Điều 17. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho đơn vị quản lý kinh phí phối hợp với đơn vị quản lý nhiệm vụ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

2. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 18. Chế độ báo cáo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Chế độ báo cáo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình theo Hợp đồng đã ký.

Điều 19. Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Trình tự, thủ tục đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đơn vị quản lý kinh phí phối hợp với đơn vị quản lý nhiệm vụ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá nghiệm thu, công nhận các kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình.

Điều 20. Quản lý kinh phí, thanh lý hợp đồng, tài sản, kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Thẩm quyền, thủ tục quản lý kinh phí, nội dung và định mức kinh phí ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Thủ tục thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, đăng ký, lưu giữ, quản lý kết quả thực hiện nhiệm vụ, tài sản trí tuệ và các tài sản khác phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 và Quyết định số 1381/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 592/QĐ-TTg.

2. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham gia Chương trình.

3. Nhận đề xuất đặt hàng của các bộ, ngành, địa phương và đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham gia Chương trình do các tổ chức, cá nhân đề xuất.

4. Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình: tổ chức xác định nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì; thẩm định kinh phí, ký hợp đồng thực hiện; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện; điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng thực hiện; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện; phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị bằng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình theo quy định hiện hành.

5. Xây dựng nội dung, kinh phí thực hiện các hoạt động chung của Chương trình.

6. Thẩm tra, quyết toán kinh phí của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình và kinh phí hoạt động chung của Chương trình.

7. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, sơ kết, tổng kết Chương trình.

Điều 22. Ban Chủ nhiệm Chương trình

1. Cụ thể hóa mục tiêu và nội dung của Chương trình đã được xác định tại Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 và Quyết định số 1381/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 592/QĐ-TTg để làm căn cứ lựa chọn và bố trí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình vào kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm và từng giai đoạn.

2. Phối hợp với đơn vị quản lý nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình, kế hoạch khảo sát, khai thác các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng tham gia Chương trình và tổ chức các hoạt động chung của Chương trình.

3. Phối hợp với đơn vị quản lý nhiệm vụ, đơn vị quản lý kinh phí theo dõi, giám sát tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình bảo đảm đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và kinh phí đã được phê duyệt; đánh giá, nghiệm thu, tổng kết các nhiệm vụ thuộc Chương trình; đề xuất xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Chương trình.

4. Phối hợp với đơn vị quản lý nhiệm vụ đề xuất với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ các hình thức khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc và đề xuất các biện pháp xử lý đối với những trường hợp vi phạm trong quá trình tổ chức, quản lý và thực hiện Chương trình.

5. Tổ chức phối hợp lồng ghép các hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi Chương trình với các chương trình và dự án khác có liên quan.

Điều 23. Các Bộ, ngành, địa phương

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia Chương trình.

2. Tổng hợp đề xuất của tổ chức, cá nhân; xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham gia Chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xác định nhiệm vụ, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ, ngành, địa phương đề xuất đặt hàng.

4. Hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 24. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình có nhiệm vụ:

1. Nhiệm vụ chung

a) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định, gồm:

- Báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ theo quy định;

- Báo cáo khối lượng công việc đã thực hiện hàng năm và quyết toán kinh phí hàng năm của nhiệm vụ để làm cơ sở cho việc cấp tiếp kinh phí;

- Xây dựng hồ sơ đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định;

- Báo cáo quyết toán kinh phí của nhiệm vụ.

b) Bàn giao kết quả và sản phẩm của nhiệm vụ theo quy định.

c) Chịu sự giám sát và kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Thực hiện nội dung của nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký và thuyết minh đã được phê duyệt; thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí, vật tư, tài sản và quyết toán kinh phí của nhiệm vụ theo đúng quy định;

b) Trên cơ sở kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện việc mua sắm vật tư, thiết bị theo đúng quy định của pháp luật;

c) Huy động các nguồn vốn khác ngoài ngân sách Nhà nước để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2017.

2. Bãi bỏ Thông tư số 19/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và Thông tư số 17/2014/TT-BKHCN ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Điều 26. Áp dụng các văn bản viện dẫn

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tùng